

Bản án số: **168** /2018/HS-PT
Ngày: 16-7- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long
Ông Phạm Bá Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 188/TLPT-HS ngày 09 tháng 04 năm 2018 đối với bị cáo: Trương Thị Thuý K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HS-ST ngày 06/03/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

**** Bị cáo kháng cáo:***

Trương Thị Thuý K (tên gọi khác: Muôn), sinh năm: 1962, tại: Phú Yên; nơi cư trú: Thôn LĐ, xã C1, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Dược sỹ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương K1 và bà Nguyễn Thị H; có chồng (đã ly hôn) và có 03 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án sơ thẩm hình sự số 86/2008/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2008, Toà án nhân dân thành phố C2, tỉnh Khánh Hòa xử phạt Trương Thị Thuý K 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; thời gian thử thách là một

năm, tính từ ngày 06 tháng 11 năm 2008. Chấp hành xong Bản án ngày 06 tháng 11 năm 2009.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27 tháng 02 năm 2014. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo:*

Ông Phạm Thái H1 - Luật sư của Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người bị hại: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm: 1975; nơi cư trú: số 50 đường L, tổ dân phố LH, phường C3, thành phố C2, tỉnh Khánh Hòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị Tuyết N, sinh năm: 1967; nơi cư trú: Thôn VP, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng từ tháng 12 năm 2010, Trương Thị Thuý K quen biết và làm ăn chung với bà Trần Thị Thu T. Hai bên có lập hai bản thỏa thuận về việc cho vay tiền. Theo đó, khi người nào đó có nhu cầu vay tiền thì K giới thiệu gặp bà T để bà T giao tiền. Mỗi người như vậy, K có trách nhiệm thu lãi và gốc về, trích phần lãi suất được hưởng là 1000 đồng/1 triệu/ngày rồi đưa số tiền gốc và lãi còn lại cho bà T (4.000 đồng/1 triệu/ngày). Việc làm ăn theo thỏa thuận trên kéo dài một thời gian mà không phát sinh mâu thuẫn gì.

Trong khoảng thời gian từ ngày 29 tháng 8 năm 2011 đến ngày 10 tháng 10 năm 2011, K đã dẫn 06 người đến vay của bà T với tổng số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng), những người này đều trực tiếp nhận tiền, viết giấy vay với bà T và được sự bảo lãnh của K. Bên cạnh đó, K còn làm giả 50 hợp đồng cho vay để chiếm đoạt của bà T 9.285.000.000 đồng (chín tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu đồng). Cụ thể như sau:

1.1. Hành vi lạm dụng tín nhiệm:

Ngày 29 tháng 8 năm 2011, bà Đặng Thị Tuyết N ở Huyện C có nhu cầu vay 30 triệu đồng để sửa nhà nên đã gặp K đặt vấn đề vay tiền. Do làm ăn thua lỗ đang cần tiền, K dẫn N đi gặp bà T để vay tiền, nhưng nhờ N vay luôn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và không cho bà T biết. Bà N chỉ lấy 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), còn 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) thì đưa lại cho K. Việc chị N viết giấy và mượn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) là do K năn nỉ và K cam kết chịu trách nhiệm về

khoản tiền vay của N đối với T. Khoảng 03 tháng sau, bà N đưa cho K 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) tiền lãi để trả cho bà T, nhưng K không đưa cho bà T mà để chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 12 tháng 9 năm 2011, bà Lê Thị H2 ở Huyện C gặp K đặt vấn đề vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng. K dẫn bà H2 đến gặp bà T. Do tin tưởng K nên bà T đã cho bà H2 vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), bà H2 viết giấy nhận nợ. Mười hai ngày sau, bà H2 đưa 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) cho K để trả cho bà T, sau đó bà H2 đưa tiếp cho K 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền lãi. Nhưng K chỉ đưa cho bà T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền lãi, còn 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), K chiếm đoạt, sử dụng hết mà không trả cho T.

Ngày 16 tháng 9 năm 2011, bà Hoàng Thị Mỹ H3 ở Huyện C cần vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng nên nhờ Hồ Dũng H4 ở Huyện C vay tiền. H4 giới thiệu đến gặp K và được K giới thiệu vay của bà T. Vì đáo hạn không được nên năm ngày sau chị H3 đã đưa 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) cho Hồ Dũng H4 nhờ đưa cho K để trả cho bà T. Nhưng khi H4 trả tiền, K đã chiếm đoạt mà không trả cho bà T. Tại cơ quan điều tra, K cho rằng do nợ nần nhiều nên khi Đặng Thị Tuyết N, Lê Thị H2 và H4 Thị Mỹ H3 đưa tiền để trả lại cho bà T, K chiếm đoạt với số tiền là 662.000.000 đồng và 60.000.000đ tiền gốc của anh Nguyễn Thành Tr đưa cho K để trả cho bà T, nhưng K không trả mà tiêu xài cá nhân.

Tổng cộng Trương Thị Thuý K đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của bà T 722.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi hai triệu đồng) dùng để trả lãi các khoản vay riêng của K trước đó, tiêu xài cá nhân hết và nói dối với T rằng vẫn chưa đòi được những khoản nợ này.

1.2. Hành vi lừa đảo:

Đối với 03 trường hợp do bà T cung cấp, khẳng định K đã dẫn người đến vay tiền và viết giấy nhận tiền gồm:

- Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1959, trú tại: xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vay ngày 31 tháng 8 năm 2011: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).
- Nguyễn Thị Tuyết L, trú tại: thôn VT, xã CT, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vay ngày 20 tháng 9 năm 2011: 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Nguyễn Văn B, sinh năm 1984, trú tại: thôn DS, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, vay ngày 03 tháng 10 năm 2011: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

K khai nhận đã nhờ người vay rồi đưa tiền cho K chiếm đoạt chứ không có người cần vay thật. K không nhớ những người này là ai, ở đâu. Cơ quan cảnh sát điều tra cũng đã xác minh nhưng không có con người và địa chỉ như trong các giấy vay tiền.

Trương Thị Thuý K khai: Trong khoảng thời gian từ ngày 29 tháng 8 năm 2011 đến ngày 08 tháng 11 năm 2011, do cần tiền đã làm giả 50 hợp đồng không có người vay mà do K tự nghĩ ra, tự viết và nhờ người khác viết giúp (hiện không nhớ đã nhờ những ai, trong đó có một hợp đồng K nhờ con trai là Nguyễn Bảo Tr1 viết giúp). K không nhận tiền trực tiếp từ bà T để đưa cho những người có tên trong 50 hợp đồng vay mà chiếm đoạt tiền bằng cách: Sau khi thu hồi nợ của người vay, K điện báo cho T biết những người mà T đã cho vay trước đó - thông qua sự giới thiệu của K, đã trả nợ gốc và lãi cho K để K tính toán, trừ đi phần lãi chênh lệch được hưởng rồi trả cho T. Nhưng K không trả hoặc trả một ít rồi báo có người khác cần vay đáo hạn. Do tin tưởng bà T không kiểm tra, gặp trực tiếp người cần vay mà đồng ý cho K lấy tiền gốc và lãi thu được của những người vay trước cho vay tiếp với số tiền 8.635.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Trương Thị Thuý K chiếm đoạt của chị Trần Thị Thu T là 9.285.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã xác minh người và địa chỉ ghi trên 51 bản hợp đồng, thì: Có 40 trường hợp không có người thật, 10 trường hợp có người thật nhưng họ không vay, 01 trường hợp có vay và đã trả tiền nhưng K cũng chiếm đoạt mà không đưa tiền cho T (là trường hợp của Nguyễn Thành Tr, K khai đã đưa lại bản hợp đồng cho bà T để gán nợ).

Ngày 08 tháng 5 năm 2012, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hoà kết luận: Trong các hợp đồng trên có 05 trường hợp có chữ viết của Trương Thị Thuý K, 01 trường hợp là chữ viết của con trai K, số còn lại không xác định được người viết (do K không nhớ đã nhờ những ai viết hộ). Với hành vi và hậu quả như trên.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HS-ST ngày 06/03/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã quyết định:**

Tuyên bố bị cáo Trương Thị Thuý K (tên gọi khác: Muôn) phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng: Điểm a Khoản 4 Điều 139 và Điểm a Khoản 4 Điều 140; các Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điểm a Khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trương Thị Thuý K (tên gọi khác: Muôn);

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 7; Khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Thị Thuý K (tên gọi khác: Muôn);

- Áp dụng: Điểm b Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội đối với bị cáo Trương Thị Thuý K (tên gọi khác: Muôn).

- Xử phạt bị cáo Trương Thị Thuý K 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 13 (mười ba) năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Buộc bị cáo Trương Thị Thuý K phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 25 (hai mươi lăm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 02 năm 2014

Ngoài ra, Bản án còn tuyên quyết định về trách nhiệm dân sự, phần án phí; quyền kháng cáo.

Sau khi án xử sơ thẩm, ngày 13/3/2018 bị cáo Trương Thị Thuý K kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt mà án sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo với lý do: Bị cáo ngày càng già yếu, bệnh tật, hiện nay đang bị bệnh bướu cương và bệnh gai cột sống đang điều trị. Tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi nghe: Bị cáo trình bày nội dung và căn cứ của việc kháng cáo; ý kiến của những người liên quan đến nội dung kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

[1]. Về tố tụng: Bị cáo Trương Thị Thuý K bị truy tố và xét xử về các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 và điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015) có khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân nên Tòa án cấp phúc thẩm đã chỉ định Luật sư Phạm Thái H1 - Luật sư của Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa bào chữa cho bị cáo theo quy định tại điểm

a khoản 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo vắng mặt nhưng bị cáo Trương Thị Thúy K đề nghị xét xử vắng mặt người bào chữa. Kiểm sát viên cũng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt Luật sư như đề nghị của bị cáo vì đây là quyền của bị cáo. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vụ án theo đề nghị của bị cáo và Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa phúc thẩm thì có cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 29/8/2011 đến ngày 10/10/2011, bị cáo Trương Thị Thúy K đã lợi dụng việc môi giới kiếm người cần vay tiền rồi giới thiệu để bà Trần Thị Thu T cho vay, K được hưởng hoa hồng nên K đã lợi dụng sự tín nhiệm của bà T là sau khi thu được nợ của người vay bị cáo đã có hành vi gian dối như: nói với bà T là người vay chưa trả, hoặc làm các hợp đồng vay tiền giả để bà T tin là số tiền nợ thu được bị cáo đã cho người khác vay tiếp để chiếm đoạt số tiền 5.570.950.000 đồng; bị cáo còn dùng thủ đoạn gian dối nhờ người giả danh những người không có thật để vay tiền của bà T giúp bị cáo và báo không có người cần vay để bà T chuyển tiền cho bị cáo, để chiếm đoạt số tiền 1.747.300.000 đồng.

Với hành vi và hậu quả như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã tuyên bố bị cáo Trương Thị Thúy K phạm các tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” và “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Thị Thúy K thì thấy: Bị cáo Trương Thị Thúy K đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt mà án sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo với lý do: Bị cáo ngày càng già yếu, bệnh tật, hiện nay đang bị bệnh buồn cương và bệnh gai cột sống đang điều trị. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hành vi của bị cáo đã phạm vào 2 tội nên bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; đối với tội: “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ” bị cáo bị xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Đối với tội: “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ”, Bản án sơ thẩm đã áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét hình phạt có lợi cho bị cáo; đồng thời do bị cáo đã khai nhận đúng hành vi của

mình và khắc phục được một phần hậu quả cho người bị hại nên án sơ thẩm cũng đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b “ *bồi thường thiệt hại* ” và điểm p “ *khai báo thành khẩn* ” khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015) cho bị cáo để xử phạt bị cáo Trương Thị Thúy K 12 năm tù về tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” và 13 năm tù về tội: “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ” là những mức hình phạt khởi điểm, đầu khung của các tội mà bị cáo bị truy tố và xét xử nên không nặng, đã tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Sau khi án xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và được chấp hành theo Quyết định của Bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo: Trương Thị Thúy K. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

1. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

+ Xử phạt bị cáo **Trương Thị Thúy K** 12 (mười hai) năm tù về tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”, 13 (mười ba) năm tù về tội: “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội mà bị cáo phải chấp hành là 25 (hai mươi lăm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày 27 tháng 02 năm 2014.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo **Trương Thị Thúy K** phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về: Trách nhiệm dân sự; án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thi hành theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến